TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH N** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:21/2018/HNGĐ- ST *Ngày:15/11 /2018* (v/v:Tranh chấp hôn nhân gia đình)	**********

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA VIỄN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Q
- Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình P, bà Lã Thị Thanh T.
- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Hứa Công N- Cán bộ Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Ngày 15 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện G, đã tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/2018/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2018, thụ lý theo yêu cầu phản tố của bị đơn ngày 11/4/2018 về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2018/QĐST - HNGĐ, ngày 03 tháng 10 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1981 - Có mặt.

Trú tại: Thôn Phương H, xã Gia P, huyện G, tỉnh N.

Bị đơn: Anh Nguyễn Quang H, sinh năm 1979. Vắng mặt.

Nơi đăng ký HKTT: Đường Thống N, xã Gia L, huyện G, tỉnh N

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - do ông Trịnh Ngọc K – Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam đại diện theo pháp luật. Ông K đã có Quyết định Ủy quyền thường xuyên cho ông Bùi Khắc P- Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gián K đại diện, ông Phương ủy quyền lại cho ông Phạm Ngọc N – Trưởng phòng Kế hoạch- Kinh doanh tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 18/4/2018– Ông N vắng mặt- có đơn xin xử vắng mặt.(Sau đây gọi tắt là Ngân hàng).

2- Bà Trịnh Thị Đ sinh năm 1938(là mẹ đẻ của anh Nguyễn Quang H - vắng mặt.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm Nam N, xã Gia L, huyện G, tỉnh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 07/3/2018, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án chị Trần Thị N trình bầy: Chị và anh Nguyễn Quang H được tự do tìm hiểu,

trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn vào ngày 09 tháng 4 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân(UBND) xã Gia L, huyện G, tỉnh N. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống tại Đường Thống N, xã Gia L, huyện G, tỉnh N. Hai vợ chồng đã chung sống hòa thuận hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H không chịu tu chí làm ăn, chỉ ham chơi bời, khi vợ góp ý thì còn có hành vi bạo lực, hành hung chị N, chị N đã có gắng nhẫn nhịn, nhưng anh H không thay đổi càng làm cuộc sống vợ chồng thêm mâu thuẫn. Đến đầu năm 2018 chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Phương H, xã Gia P, huyện G, tỉnh N sinh sống kể từ đó đến nay vợ chống sống ly thân hoàn toàn. Đến nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Quang H.

Về con chung chị N trình bày: Chị và anh H có 01 con chung đó là cháu Nguyễn Thị Khánh H, sinh ngày 10/01/2015. Kể từ khi ly thân đến nay, cháu H đang ở với chị N. Khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, lúc đầu tại đơn khởi kiện và bản tự khai chị yêu cầu anh H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/01 tháng, sau đó trong quá trình giải quyết vụ án chị N đã không yêu cầu anh H phải đóng góp tiền nuôi con chung nữa.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết mối quan hệ tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng.

Tại bản tự khai ngày 16/3/2018, quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Quang H trình bày: Việc kết hôn giữa anh và chị N đúng như chị N trình bày nêu trên. Về quá trình chung sống, anh H thừa nhận vợ chồng anh chị đúng là chỉ chung sống một thời gian đã có mâu thuẫn. Nhưng nguyên nhân mâu thuẫn là do việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình không đạt được mục đích. Đến nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên việc chị Nhung làm đơn xin ly hôn anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung, các thông tin liên quan đến con chung anh H thừa nhận chị Ng trình bày như nêu trên là đúng. Nếu phải ly hôn anh H đề nghị được nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu chị N phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Lúc đầu anh H chưa yêu cầu Tòa án giải quyết, sau đó đến ngày 11/4/2018 anh H đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết phần công nợ chung của vợ chồng và ngày 11/4/2018 Tòa án đã thụ lý yêu cầu phản tố đề nghị giải quyết quan hệ công nợ chung của vợ chồng anh H, chị N. Anh H trình bày vợ chồng anh nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh khu vực Gián K- Tỉnh N số tiền là 100.000.000 triệu đồng và đề nghị Tòa án nếu giải quyết ly hôn thì đề nghị phân chia nghĩa vụ thực hiện khoản công nợ chung này.

Tại bản tự khai ngày 19/4/2018, quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng trình bày. Tại hợp đồng tín dụng số 3313LAV201601477 ngày 15/12/2016 ký kết giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Quang H là người đại diện hộ gia đình thì phía ông H

được vay vốn số tiền là 100.000.000 đồng thời hạn vay 36 tháng. Lãi xuất vay 10,5%/năm, lãi quá hạn 15,75%/năm. Hiện nay khoản nợ gốc ông H vẫn còn nợ là 100.000.000 đồng, lãi đã trả hết đến 30/8/2018. Để đảm bảo cho khoản vay này ông H và Ngân hàng ký kết hợp đồng thề chấp cụ thể: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 164067046 ngày 10/12/2014 giá trị thế chấp 90.000.000 đồng (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 076805 do UBND huyện G cấp ngày 16/6/2013 mang tên ông Nguyễn Quang H tại thửa đất số 292, tờ bản đồ số 5 diện tích 50m2 địa chỉ xã Gia L, huyện G, tỉnh N) và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 161625100 ngày 10/12/2014 giá trị thế chấp 71.200.000 đồng(giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 007552 do UBND huyện G cấp ngày 26/6/2012 mang tên ông Nguyễn Văn D(Ông D là bố đẻ của anh H, hiện ông D đã chết) tại thửa đất số 584, tờ bản đồ số PL 1+2, diện tích 178m2 địa chỉ xã Gia L, huyện G, tỉnh N). Phía Ngân hàng đề nghị Tòa án phân chia nghĩa vụ thực hiện khoản nợ chung nêu trên theo luật định. Nếu anh H không yêu cầu Tòa án phân chia công nợ chung nữa hoặc từ bỏ yêu cầu mà sau này anh H và chị N không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay nêu trên thì Ngân hàng sẽ khởi kiện thành vụ kiện riêng.

Bà Trịnh Thị Đ tuy đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc, không có văn bản thể hiện ý kiến của mình.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm nêu trên của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hôn nhân giữa chị Trần Thị N và anh Nguyễn Quang H là hoàn toàn hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Hai người đã chung sống hòa thuận hạnh phúc một thời gian ngắn sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, do anh H không tu chí làm ăn, không quan tâm đến cuộc sống gia đình, dẫn đến cuối năm 2017 chị Nhung đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Phương H, xã Gia P sinh sống, kể từ đó đến nay vợ chồng đã sống ly thân hoàn toàn. Trong đơn xin xác nhận, chính quyền địa phương cũng xác nhận mâu thuẫn vợ chồng chị N, anh H đã trầm trọng, khó có cơ hội đoàn tụ. Bản thân anh H cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân từ kinh tế gia đình sa sút và anh H thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân hoàn toàn từ cuối năm 2017 đến nay. Do đó có căn cứ để xác định rằng mâu thuẫn vợ chồng anh Nguyễn Quang H và chị Trần Thị Nh đã trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị N xử cho chị được ly hôn anh Nguyễn Quang H là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị Trần Thị N và anh Nguyễn Quang H có 01 con chung đó là cháu Nguyễn Thị Khánh H, sinh ngày 10/01/2015. Kể từ khi ly thân đến nay,

cháu H đang ở với chị Nh. Anh H và chị Nh đều có nguyện vọng nuôi con chung. Xét bản thân anh H là người công ăn việc làm ổn định có hợp đồng lao động, có thu nhập là 10.000.000 đồng/01 tháng và chị N cũng là người có công ăn việc làm ổn định có hợp đồng lao động, có thu nhập ổn định trung bình(trong 03 tháng gần đây) mỗi tháng là 6.117.359 đồng. Anh H và chị N đều không ai vi phạm nghĩa vụ làm cha, mẹ, đều có đủ điều kiện nuôi con chung. Tuy nhiên từ khi ly thân đến nay cháu Nguyễn Thị Khánh H ở với chị N cũng rất tốt, cháu H lại còn quá nhỏ mới hơn 03 tuổi cần sự chăm sóc của người mẹ hơn, đồng thời để tránh sự xáo trộn trong cuộc sống của cháu thì cần chấp nhận yêu cầu của chị N, giao cháu H cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là thỏa đáng. Việc cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu là tự nguyện nên cần chấp nhận không buộc anh H phải đóng góp tiền nuôi con chung là thỏa đáng.

Về phân chia công nợ chung: Bản thân chị N là nguyên đơn nhưng không có có yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết. Còn anh H sau đó đã có đơn yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án phân chia nghĩa vụ công nợ chung. Tuy nhiên Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh H vắng mặt, Tòa án cũng đã hai lần mở phiên tòa nhưng anh H vẫn vắng mặt dù được triệu tập hợp lệ, nên coi như anh H từ bỏ yêu cầu khởi kiện của mình., đồng thời người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có yêu cầu độc lập nên phần yêu cầu đề nghị Tòa án phân chia nghĩa vụ công nợ chung của vợ chồng theo yêu cầu của anh Nguyễn Quang H cần đình chỉ. Các đương sự có liên quan có quyền khởi kiện giải quyết phân chia nghĩa vụ công nợ chung của anh H và chị N thành vụ kiện riêng quan hệ tài sản chung nên vấn đề này Tòa án không xét.

Về án phí sơ thẩm: Chị N phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật. Số tiền tạm ứng án phí đề nghị phân chia công nợ chung của vợ chồng anh Hiến đã nộp được sung ngân sách Nhà nước.

Về quyền kháng cáo: Các đ□ơng sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 4 Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; các Điều 218, 219, điểm b, c khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho chị Trần Thị N được ly hôn vắng mặt anh Nguyễn Quang H.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị N được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu, Nguyễn Thị Khánh H, sinh ngày 10/01/2015 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Quang H không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu phân chia nghĩa vụ công nợ chung của anh Nguyễn Quang H và chị Trần Thị N. Anh Nguyễn Quang H có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại phần phân chia nghĩa vụ công nợ chung nêu trên theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Về án phí: Chị Trần Thị N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2013/0001030, ngày 16 tháng 3 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh N. Số tiền tạm ứng án phí anh Nguyễn Quang H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2013/0001034, ngày 11 tháng 4 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh N được sung công quỹ Nhà nước.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh N;
- VKSND huyện G;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện G;
- UBND xã Gia L;
- Các đương sự;
- Lưu.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Hữu Q